

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HK I- NGŨ VĂN 7
NĂM HỌC 2024 -2025
(Tài liệu tham khảo)

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. VĂN BẢN

1. Thể loại thơ bốn chữ, năm chữ:

- Thơ bốn chữ, năm chữ

+ *Thơ bốn chữ* là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.

+ *Thơ năm chữ* là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.

+ Thơ bốn chữ, năm chữ không hạn chế về số lượng dòng thơ trong một khổ thơ, số khổ thơ trong một bài thơ và thường được sử dụng đan xen vần chân với vần lưng.

- Hình ảnh trong thơ: là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống, được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.

- Vần và vai trò của vần trong thơ

+ *Vần chân (hay cước vận)* là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau. Vần chân là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ.

+ *Vần lưng (hay yêu vận)*: là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vần với nhau.

+ *Vai trò của vần trong thơ*: vần có vai trò liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

- *Nhịp thơ và vai trò của nhịp trong thơ*:

+ Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng (ngắt dòng) đều đặn cuối mỗi dòng thơ.

+ Nhịp có tác dụng tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.

- Thông điệp

Thông điệp (của văn bản) là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.

2. Truyện ngụ ngôn

- *Truyện ngụ ngôn* là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.

- *Đề tài trong truyện ngụ ngôn*: thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.

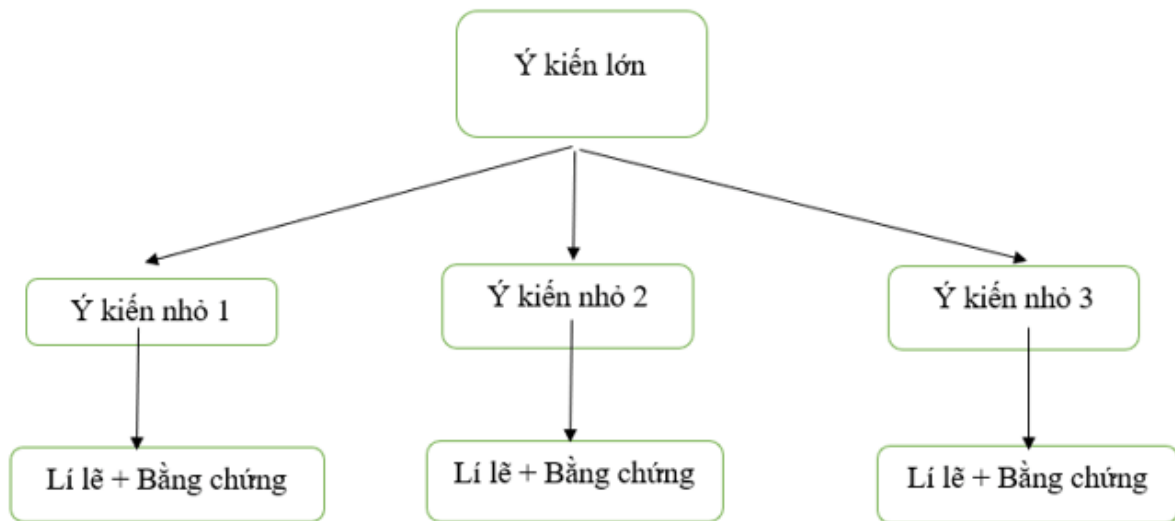
- *Nhân vật trong truyện ngụ ngôn* có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.
- *Sự kiện (hay sự việc)* là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. Chẳng hạn, ở truyện *Thỏ và rùa*, sự kiện chính là cuộc chạy thi giữa hai nhân vật thỏ và rùa.
- *Cốt truyện của truyện ngụ ngôn* thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm...) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.
- *Tình huống truyện* là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu. Chẳng hạn, tình huống truyện trong *Thỏ và rùa* là cuộc chạy đua giữa hai con vật và kết quả có tính bất ngờ, làm lộ rõ đặc điểm của mỗi nhân vật và bài học từ câu chuyện.
- *Không gian trong truyện ngụ ngôn* là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng...).
- *Thời gian trong truyện ngụ ngôn* là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể.

3. Nghị luận văn học

- *Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học* thuộc thể nghị luận văn học, được viết ra để bàn về một tác phẩm văn học, có đặc điểm như sau:
 - +Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài, chủ đề,...
 - +Trình bày những lý lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Các lý lẽ, bằng chứng cần căn cứ vào tác phẩm đang bàn luận. Lý lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm. Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn,... từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ.
 - + Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.
- Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận
 - +Mỗi văn bản viết ra đều nhằm mục đích nhất định. *Mục đích của văn bản nghị luận* là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề đời sống hoặc văn học.
 - +Mục đích viết được thể hiện qua nội dung chính của văn bản. *Nội dung chính của văn bản nghị luận* là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản.
- Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong văn bản nghị luận

Trong văn bản nghị luận, bên cạnh ý kiến lớn, còn những ý kiến nhỏ nêu ra để hỗ trợ cho ý kiến lớn. Ý kiến lớn thể hiện quan điểm về tác phẩm cần phân tích, ý kiến nhỏ thể hiện quan điểm về các yếu tố trong tác phẩm, góp phần làm sáng tỏ ý

kiến lớn. Mỗi quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận được thể hiện qua sơ đồ sau:



4. Tản văn, tùy bút

- Tản văn và tùy bút

+ *Tản văn* là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả...) nhưng nhìn chung đều mang tính chất châm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.

+ *Tùy bút* là một thể trong kí, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống.

+ *Chất trữ tình trong tản văn, tùy bút* là yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc.

+ *Cái tôi trong tùy bút, tản văn* là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường, có thể nhận biết cái tôi ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất.

+ *Ngôn ngữ tản văn, tùy bút* thường tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

5. Văn bản thông tin:

Văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ

- *Giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động* là một trong các kiểu văn bản thông tin. Trò chơi được giới thiệu có thể là trò chơi truyền thống hay trò chơi hiện đại. Hoạt động được giới thiệu có thể là hoạt động trong sinh hoạt, học tập hay lao động...

Nhằm giúp người đọc hiểu được mục đích ý nghĩa, quy tắc thực hiện, kiểu văn bản này thường phải có bố cục rõ ràng, các đề mục kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.

Thông tin cơ bản là thông tin chính, quan trọng, toát ra từ toàn bộ văn bản.

Chi tiết trong văn bản thông tin là đơn vị nhỏ làm cơ sở góp phần làm sáng tỏ thông tin chính. Trong văn bản thông tin, thông tin cơ bản được tóm lược khái quát trong nhan đề, sa-pô. Thông tin chi tiết thường được khái qua các đề mục, tiêu mục hoặc các phần, các đoạn trong văn bản, bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ khái niệm “chi tiết” được hiểu linh hoạt theo nhiều cấp độ như sau:

Cước chú là lời giải thích liên quan đến từ ngữ, chi tiết, nguồn trích dẫn... được dùng trong từng trang văn bản, đặt ở chân trang. Ví dụ chú thích 1, tr.100, giúp phân biệt “đọc bằng mắt” hoặc “đọc thâm”.

Tài liệu tham khảo là danh mục các tài liệu, được tác giả các văn bản trích dẫn, tham khảo và được trình bày theo một quy tắc nhất định.

II. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Phó từ

a. Khái niệm

- Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ. Bổ sung ý nghĩa cho động từ, danh từ và tính từ.

b. Phân loại

- Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ, chẳng hạn: **những, các, mọi, mỗi, từng,...**

- Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ, chẳng hạn: **đã, sẽ, đang, vẫn, còn, cứ, không, chưa, chẳng, rất, quá, lắm,...**

c. Chức năng

- Khi đi kèm trước danh từ, bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ, chẳng hạn: **những, các, mọi, mỗi, từng,...**

Ví dụ: Những học sinh này rất chăm ngoan.

=> Phó từ “**những**” bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “**học sinh**”.

- Khi đứng trước động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất được nêu ở động từ, tính từ một số ý nghĩa như: quan hệ thời gian (**đã, đang, sẽ, sắp,...**) mức độ (**quá, lắm,...**), sự tiếp diễn tương tự (**vẫn, còn, ...**), sự phủ định (**không, chưa, chẳng,...**), sự cầu khiến (**hãy, đừng, chớ,...**)

Ví dụ: Em còn học bài môn Ngữ văn.

=> Phó từ “**còn**” bổ sung ý nghĩa tiếp tục, tiếp diễn cho động từ “**học**”.

- Tôi đã đến trường rồi.

=> Phó từ “**đã**” bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ “**đến**”.

- Khi đứng sau động từ, tính từ, phó từ thường bổ sung cho động từ, tính từ đó một số ý nghĩa như: mức độ, khả năng, kết quả và phương hướng,...

Ví dụ: Bông hoa này đẹp quá!

=> Phó từ “**quá**” bổ sung ý nghĩa mức độ cho tính từ “**đẹp**”.

2. Dấu chấm lửng (dấu ba chấm):

a. Khái niệm

Dấu chấm lửng được kí hiệu bởi ba dấu chấm (...), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.

b. Công dụng

- Biểu đạt ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp với dấu phẩy đứng trước nó.

Ví dụ:

- *Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung...*

(Hồ Chí Minh)

- Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.

Ví dụ:

Bác Tai gật đầu lia lịa:

- *Phải, phải... Bác sẽ đi với các cháu!*

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

- Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Ví dụ: *Cuốn tiểu thuyết được viết trên... buru thiếp.*

(Báo Hà Nội mới)

- Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

Ví dụ: *Người quản tượng biết gió thu nổi lên làm con voi nhớ rừng. Ông quyết định thả ngay cho nó đi. [...]*

(Vũ Hùng, Ông Một)

- Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

Ví dụ: *Ồ...ó...o...o...*

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

(Sọ Dừa)

3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt:

+ *Quốc*: nước

+ *Gia1*: nhà; *Gia2*: tăng thêm

+ *Biến*: (1) thay đổi; (2) biến cố, tai họa

+ *Hội*: họp lại, tụ lại, họp lại

+ *Hữu*: có

+ *Hóa*: biến đổi

- Các yếu tố Hán Việt thông dụng này có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt. Ví dụ:

+ *Quốc biến* (quốc: nước; biến: biến cố, tai họa): tai họa, biến cố xảy ra trong nước.

+ *Gia biến* (gia: nhà; biến: biến cố, tai họa): tai họa, biến cố xảy ra trong gia đình.

+ *Biến hóa* (biến: thay đổi; hóa: biến đổi): biến đổi thành thứ khác.

+ *Quốc gia* (quốc: nước; gia: nhà): nước, nước nhà.

+ *Quốc hội* (quốc: nước; hội: họp lại): cơ quan lập pháp tối cao của một nước, do nhân dân trong nước bầu ra.

- Bên cạnh các từ Hán Việt có một nghĩa duy nhất như *quốc gia, quốc biến, gia biến*, còn có các từ Hán Việt có hai hay nhiều nghĩa khác nhau. Chẳng hạn từ *biến sắc* (biến: thay đổi; sắc: màu) có hai nghĩa là: (1) thay đổi màu sắc (ví dụ: *Con tắc kè hoa có khả năng biến sắc theo cảnh vật*), (2) đổi sắc mặt đột ngột (ví dụ: *Mặt nó biến sắc*).

6. Ngôn ngữ của các vùng miền

Tiếng Việt rất đa dạng với những sắc thái độc đáo ở mỗi vùng miền.

- Dựa vào đặc điểm cách phát âm, chúng ta có thể nhận ra giọng miền Bắc, giọng miền Nam, giọng miền Trung. Chẳng hạn, cách phát âm của một số địa phương miền Nam và miền Trung thường không phân biệt hai thanh điệu “hỏi” và “ngã” giống miền Bắc.

- Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền không chỉ thể hiện ở ngữ âm mà còn thể hiện ở mặt từ vựng. Chẳng hạn, cùng là một vật dụng dùng để ăn cơm nhưng miền Bắc gọi là “bát”, miền Nam gọi là “chén”, miền Trung gọi là “đọi”...

- Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền góp phần làm cho tiếng Việt thêm giàu đẹp. Trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ cũng chính là trân trọng sự khác biệt về văn hóa giữa các vùng miền.

III. PHẦN VIẾT

1. VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC CỦA EM VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ.

*Dàn ý chung ghi lại cảm xúc của em về bài thơ

a Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em đã chọn.

b. Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; cảm xúc đó được gợi ra từ những hình ảnh, từ ngữ nào trong bài thơ.

c. Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

* Dàn ý chi tiết đề bài ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Sang thu”.

a Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh và cảm xúc chung về bài thơ.

b. Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của bản thân về nghệ thuật và nội dung của bài thơ; cảm xúc đó được gợi ra từ những hình ảnh, từ ngữ nào trong bài thơ.

- Từ ngữ hình ảnh “*huong ổi*”->khứu giác, “*gió se*”->xúc giác, “*sương chùng chình*”->thị giác. =>sự tinh tế, nhạy cảm trong tâm hồn nhà thơ khi kết hợp nhiều giác quan như xúc giác, thính giác, thị giác,... để cảm nhận thiên nhiên vào thời khắc giao mùa.

- Biện pháp tu từ nhân hóa: “*Sấm cũng bớt bất ngờ*”->chỉ trạng thái của con người tạo nên sự sinh động, hấp dẫn, gần gũi với con người.

- Biện pháp tu từ ẩn dụ: “*Hàng cây đứng tuổi*”->Con người từng trải sẽ vững vàng,

bình tĩnh hơn.

-Hữu Thịnh đã gửi cho chúng ta một triết lí về cuộc đời vô cùng sâu sắc: con người từng trải, sẽ vững vàng hơn trước những biến cố của cuộc đời.

c. Kết đoạn:

Bài thơ dẫn dắt người đọc đi từ những hình ảnh miêu tả khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu giúp tôi cảm nhận rõ hơn về sự chuyển động của tự nhiên và yêu thiên nhiên hơn.

2. VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ

***Dàn ý chung kể về một sự việc có thật**

a. Mở bài:

Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.

Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.

b. Thân bài:

- Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện.

Câu chuyện, huyền thoại liên quan

Dấu tích liên quan

- Thuật lại nội dung, diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.

Bắt đầu - diễn biến - kết thúc.

Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn...), kết hợp kể chuyện, miêu tả.

- Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện

c. Kết bài:

Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.

***Dàn ý chi tiết kể về người anh hùng Võ Thị Sáu.**

a. Mở bài:

- Giới thiệu sự việc đi thăm nơi tưởng niệm chị Võ Thị Sáu.

- Thời gian, không gian diễn ra sự việc.

b. Thân bài:

- Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện.

+ Tôi được biết đến những chiến công chống giặc, cứu nước của người anh hùng Võ Thị Sáu qua lời kể của...

+ Câu nói nổi tiếng khi bị giặc bắt và hành quyết “Đả đảo bọn thực dân Pháp. Việt Nam độc lập muôn năm! Hồ Chủ Tịch muôn năm!”

- Thuật lại nội dung, diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch

+ Kết hợp kể sự việc với quan sát miêu tả không khí cảnh quan xung quanh nơi tưởng niệm Võ Thị Sáu.

+ Kể về cuộc đời chị Võ Thị Sáu.

+ Kể về lịch sử chiến đấu anh dũng của chị.

-Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện

Lễ tưởng niệm người anh hùng vào ngày 27/7 hàng năm là dịp để nhân dân địa phương và du khách gặp gỡ giao lưu và thực hiện truyền thống văn hóa dân tộc.

c. Kết bài:

-Khẳng định: Chị đã hi sinh nhưng hình ảnh chị vẫn còn mãi trong lòng người dân...

- Bài học liên hệ bản thân....

3.VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC.

***Dàn bài chung về phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.**

a. Mở bài:

- Giới thiệu nhân vật cần phân tích.

- Nêu được ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.

b. Thân bài:

- Giới thiệu thông tin về tác giả, tác phẩm liên quan đến nhân vật cần phân tích.

- Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật.

+ Ý kiến về đặc điểm thứ nhất của nhân vật.

+ Lí lẽ và bằng chứng.

- Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật.

+ Ý kiến về đặc điểm thứ hai của nhân vật.

+Lí lẽ và bằng chứng.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại ý kiến của người viết.

- Nêu cảm nghĩ về nhân vật.

*** Dàn bài phân tích đặc điểm nhân vật Dế Mèn.**

a. Mở bài:

- Giới thiệu về nhân vật Dế Mèn.

- Nêu được ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.

b. Thân bài:

- Giới thiệu về tác giả Tô Hoài, tác phẩm “Dế Mèn phiêu kí” để phân tích nhân vật Dế Mèn.

- Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật Dế Mèn.

+ Ý kiến về đặc điểm thứ nhất của nhân vật Dế Mèn (ngoại hình của Dế Mèn).

+ Lí lẽ và bằng chứng.

-Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật Dế Mèn.

+ Ý kiến về đặc điểm thứ hai của Dế Mèn (tính cách của Dế Mèn).

+ Lí lẽ và bằng chứng.

- Bài học đầu tiên của Dế Mèn: Dế Mèn trêu chọc chị Cốc, khiến chị Cốc nổi giận...

- Đánh giá về nhân vật Dế Mèn...

c.Kết bài:

- Khẳng định lại ý kiến của mình về nhân vật Dế Mèn.
- Nêu cảm nghĩ về nhân vật Dế Mèn.

4. VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG.

*** Dàn bài chung về bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**

a. Mở đầu:

- Nêu được quy tắc luật lệ của hoạt động/ trò chơi.
- Nêu được lí do của việc thuyết minh về quy tắc, luật lệ.

b. Phần chính:

- Giới thiệu vắn tắt mục đích bối cảnh, thời gian, không gian diễn ra hoạt động/ trò chơi và sự cần thiết thực hiện hoạt động/ trò chơi theo quy tắc.
- Trình bày các điều khoản/ nội dung của quy tắc luật lệ.
 - + Điều khoản/ nội dung 1
 - + Điều khoản/ nội dung 2
 - + Điều khoản/ nội dung 3
 - + ...

-Một vài lưu ý (nếu có).

c. Kết thúc:

- Khẳng định ý nghĩa của việc tuân thủ, quy tắc, luật lệ.
- Đưa ra khuyến nghị với người đọc/ người nghe (nếu có).

*** Dàn bài thuyết minh về một quy tắc trong trò chơi kéo co.**

a. Mở đầu:

- Giới thiệu trò chơi mà em thuyết minh, giải thích thích về quy tắc và luật lệ khi chơi trò chơi kéo co.
- Nêu được lí do của việc thuyết minh về quy tắc và luật lệ khi chơi trò chơi kéo co.

b. Phần chính:

- Thuyết minh, giải thích về quy tắc khi chơi trò chơi kéo co.
 - + Quy tắc về dụng cụ.
 - + Quy tắc về người chơi.
 - + Quy tắc về cách chơi.
 - + Quy tắc về cách xác định người thắng cuộc.

-Thuyết minh, giải thích về những lưu ý khi chơi trò chơi kéo co.

+ Cần đảm bảo an toàn cho người chơi.

+ Cần đảm bảo tính công bằng khi chơi.

+ Cần đảm bảo không gian chơi, tránh để khán giả làm ảnh hưởng đến người chơi.

c. Kết thúc:

- Khẳng định lại tầm quan trọng của việc tuân thủ quy tắc và lưu ý quan trọng khi chơi kéo co.

- Đưa ra khuyến nghị đối với người đọc/ nghe (nếu có).

B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Thời gian: 90 phút.

- Hình thức: 100% tự luận.

I. PHẦN ĐỌC HIỂU:(4.0 điểm).

Ngữ liệu (Tương đương với thể loại/ loại văn bản được học trong chương trình)

Học sinh đọc hiểu ngữ liệu (mới) trả lời 5 câu hỏi dạng sau đây:

Câu hỏi 1(0,5 điểm) nhận biết

Câu hỏi 2(0,5 điểm) nhận biết

Câu hỏi 3(1.0 điểm) thông hiểu

Câu hỏi 4(1.0 điểm) thông hiểu

Câu hỏi 5(1.0điểm) vận dụng

II PHẦN VIẾT:(6.0 điểm).

Gồm 2 câu

Câu 1(2.0điểm): Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

Câu 2(4.0 điểm): Đề có thể yêu cầu viết trong các dạng đề văn sau đây

1. Viết bài văn kể lại sự thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.
2. Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

3. Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động.

C. ĐỀ THAM KHẢO

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

MƯA

*“Mưa rơi tí tách
Hạt trước hạt sau
Không xô đẩy nhau
Xếp hàng lần lượt*

*Mưa vẽ trên sân
Mưa dàn trên lá
Mưa rơi trắng xóa
Bong bóng phập phồng*

*Mưa nâng cánh hoa
Mưa gọi chồi biếc
Mưa rửa sạch bụi
Như em lau nhà.*

*Mưa rơi, mưa rơi
Mưa là bạn tôi
Mưa là nốt nhạc
Tôi hát thành lời...”*

(Trích, Thư viện thơ - Kho tàng bài thơ hay nhất về thiếu nhi, ngày 25/12/2019)

Câu 1 (0.5 điểm) Theo em, bài thơ “*Mưa*” được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0.5 điểm) Em hãy xác định phương thức biểu đạt của bài thơ?

Câu 3 (1.0 điểm) Tìm phó từ trong câu thơ: “*Hạt trước hạt sau*” và cho biết phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ nào trong câu?

Câu 4 (1.0 điểm) Theo em, tình cảm của tác giả trong bài thơ được thể hiện như thế nào?

Câu 5 (1.0 điểm) Em hãy chỉ ra những việc làm của em để bảo vệ thiên nhiên?

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm) Viết đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về bài thơ trên.

Câu 2 (4.0 điểm) Em hãy viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động mà em và các bạn trong lớp quan tâm.

-----HẾT-----

Chúc các em ôn tập hiệu quả, làm bài tốt!

Phú Lợi, ngày 5 tháng 12 năm 2024

Người thực hiện

Ký và ghi rõ họ tên

Hồ Thị Thanh Xuân

Ký xác nhận của GV khối 7

1. Phan Thị Thảo

2. Bùi Thị Lan

3. Hương Thanh Tân

4. Ngô Thu Thảo

5. Lê Thị Thanh Hải

Phú Lợi, ngàytháng 12 năm 2024

BGH ký duyệt

Phú Lợi, ngày.....tháng 12 năm 2024

Tổ trưởng

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Miễn

Phạm Thị Cẩm Oanh